

Thông số kỹ thuật

HD 99 VV



Lu hai bánh thép đồng HD

Lu hai bánh thép với hai trống rung

H218

CÁC ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT

- > Tầm quan sát vượt trội cho khu vực quanh thiết bị từ buồng lái
- > Thiết kế khoang vận hành tiện lợi, ghế lái có thể xoay và điều chỉnh được
- > Hệ thống phun nước thông minh
- > Khớp nối 3 điểm phân bổ trọng lượng đồng đều, giữ cân bằng tốt và tạo cảm giác thoải mái khi vận hành
- > Bảng điều khiển với thông tin hiển thị đơn giản, biểu tượng trực quan dễ hiểu

THÔNG SỐ KỸ THUẬT HD 99 VV (H218)

Trọng lượng		
Trọng lượng vận hành với mái che	kg	9170
Trọng lượng vận hành tối đa	kg	9800
Tải tĩnh phân bố trên trống, trước/sau	kg/cm	27,7/26,9
Phân loại theo tiêu chuẩn Pháp		22,5/VT1
Kích thước máy		
Chiều dài tổng thể	mm	4600
Chiều cao tổng thể	mm	3050
Chiều cao vận chuyển, nhỏ nhất	mm	2660
Khoảng cách 2 cầu	mm	3400
Bề rộng tổng thể	mm	1810
Bề rộng làm việc, lớn nhất	mm	1780
Khoảng sáng gầm, trái/phải	mm	710/710
Bán kính quay vòng, bên trong	mm	3961
Kích thước trống lu		
Bề rộng trống lu, trước/sau	mm	1680/1680
Đường kính trống lu, trước/sau	mm	1200/1200
Bề dày trống lu, trước/sau	mm	17/17
Loại trống lu, trước		Trống trơn
Loại trống lu, sau		Trống trơn
Bố trí trống lu so le, trái /phải	mm	100
Động cơ Diesel		
Nhà sản xuất		CUMMINS
Loại		4BT AA 3.9
Số xi lanh		4
Công suất định mức ISO 14396, kW/PS/rpm		74/100/2200
Công suất định mức SAE J1349, kW/HP/rpm		74/99/2200
Tiêu chuẩn khí thải		CEV III
Hệ thống dẫn động		
Vận tốc làm việc	km/h	0-7
Tốc độ di chuyển	km/h	0-14
Khả năng leo dốc, rung on/off	%	30/40
Hệ thống rung		
Tần số rung, sau, I/II	Hz	42/50
Biên độ rung, trước, I/II	mm	0,66/0,37
Biên độ rung, sau, I/II	mm	0,66/0,37
Lực ly tâm, trước, I/II	kN	75/60
Lực ly tâm, sau, I/II	kN	75/60
Hệ thống lái		
Góc chênh +/-	°	10
Kiểu lái		Kiểu khớp xoay

*Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước

Hệ thống phun nước		
Kiểu phun nước		Bảng áp lực
Dung tích bình nhiên liệu		
Thùng nhiên liệu	L	170
Thùng nước	L	700
Độ ồn		
Độ ồn L(WA), lý thuyết	db(A)	-
Độ ồn LW(A), thực tế	db(A)	110

TRANG BỊ TIÊU CHUẨN

Tay vịn | Khoang vận hành với lối vào 2 bên | Ghế ngồi vận hành thoải mái, có thể xoay | 1 cần điều khiển đa chức năng | Thay đổi điều chỉnh biên độ rung: lớn/nhỏ | Chỉnh rung trước và sau, rung 1 trống hay 2 trống đồng thời | Nút cầu dao bình điện | Màn hình hiển thị mực nước | Dây đai an toàn có điều chỉnh rút dài.

TRANG BỊ TỰY CHỌN

Thiết bị cắt mép và vát mép | Đồng hồ đo độ chặt (HCM) | Đồng hồ đo nhiệt độ bê tông nhựa (HTM) | Giao diện quản lý thiết bị từ xa | Phiên bản lọc thô nhiên liệu bổ sung.



CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY VINH PHÚ

MST: 3600437439 | www.vitrac.vn | www.facebook.com/vitrac.vn

TRỤ SỞ CHÍNH
990 Xa lộ Hà Nội, Khu phố 2, P. Bình Đa, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai
T: (0251) 383 1615 | E: vinhphu@vitrac.vn

TRUNG TÂM 3S HÀ NỘI
Lô 1, KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, H. Mê Linh, Hà Nội
T: (024) 3556 2277 | E: vinhphuhanoi@vitrac.vn

TRUNG TÂM 3S QUẢNG NINH
Km 10, P. Quang Hanh, Tp. Cẩm Phả, Quảng Ninh
T: 0916 640 680 | E: vinhphuquangninh@vitrac.vn

TRUNG TÂM 2S NGHỆ AN
Km20, Đường Tránh Vinh, P.Vinh Tân, Tp. Vinh, Nghệ An
T: 0933 618 010 | E: vinhphunghean@vitrac.vn

TRUNG TÂM 3S ĐÀ NẴNG
Thôn Quang Châu, xã Hoà Châu, H. Hòa Vang, Đà Nẵng
T: (023) 6364 4794 | E: vinhphudanang@vitrac.vn

TRUNG TÂM 3S CẦN THƠ
Lô 29, Lê Hồng Phong, KCN Trà Nóc 1, Bình Thủy, Cần Thơ
T: 0919 725 357 | E: vinhphucantho@vitrac.vn

